

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 01 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 590/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Kim C, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Kh, xã Tân D, huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Kh, xã Tân D, huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Chị C và anh L chung sống năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân D. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị C xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh L nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống chị C và anh L có 03 con chung tên Trần Trọng Kh, sinh năm 2012; Trần Hạo Th, sinh năm 2014 và Trần Phúc Th, sinh năm 2020. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi con, cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và về nợ: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Trần Văn L, đề ngày 20/01/2025 thể hiện ý kiến của anh L như sau:

Anh đồng ý ly hôn với chị L, về con chung anh đồng ý giao 03 con cho chị C nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra, anh và chị C không có tài sản chung và nợ chung, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị C và anh L chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị C xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị C. Việc anh L thống nhất ly hôn với chị C cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C được ly hôn với anh L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của chị C thấy rằng: Từ khi chị C và anh L ly thân thì các con sống cùng chị C. Đối với Trọng Kh và Hạo Th đều có nguyện vọng được sống cùng chị C; anh L cũng thống nhất giao các con cho chị C nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu của chị C, ý kiến của anh L phù hợp với nguyện vọng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao Trần Trọng Kh, sinh năm 2012; Trần Hạo Th, sinh năm 2014 và Trần Phúc Th, sinh năm 2020 cho chị C được tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Trọng Kh, Hạo Th và Phúc Th cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con chị C và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Chị C và anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Kim C.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Kim C được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Giao Trần Trọng Kh, sinh ngày 06/9/2012; Trần Hạo Th, sinh ngày 10/01/2014 và Trần Phúc Th, sinh ngày 30/10/2020 cho chị Phạm Kim C được tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Kim C phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002363 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị C đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai